

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NGÔ LAI TRÊN ĐẤT LÚA CHUYỂN ĐỔI Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Hồ Cao Việt¹, Lê Quý Kha¹

ABSTRACT

Evaluation on the current status and efficiency of hybrid maize cultivation on shifted rice land in the Me Kong river Delta

How efficiency generated from maize cultivation in the Me Kong river Delta (MRD) is the critical question that should be identified clearly in the study. The survey on 360 households who shifted rice land to maize cultivation in the provinces of Long An, Dong Thap and Hau Giang pointed out that the productive efficiency of maize fluctuated highly by the sub - agroecological regions and by the crops. The highest profit got from the Winter - Spring and Summer - Autumn maize crop and higher as compared to alternative rice crop. The costs of maize production varies from 29,0 million VND to 35,7 per hectare per crop. The unit price varies from VND 3,500 to 5,400 per kg, at average 4,300 VND per kg. The cost of fertilizers occupies of 30.0 to 35.5 percent of total costs. Labor cost is 38.2 percent in average. Of which, the costs of mechanization (hiring machines) is from 5.0 to 8.7 percent, about 1.2 million VND per hectare. The cost of pesticides varies from 4.9 to 12.2 percent. The analysis of break - even point is at price of 4,300 VND per kg, and at 8.3 tons per hectare, total costs 33.1 million VND per hectare. The net profit generated per hectare is at an average of 4.9 VND million. There is 28 to 49 percent of surveyed households getting loss in maize cultivation because the costs of production is too high, meanwhile the selling price (at farm gate) is low and low yield of maize.

Key words: Me Kong river Delta, hybrid maize, productive efficiency, net profit, unit price, break - even point.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ ngô ở Việt Nam tăng không ngừng từ 1,6 triệu tấn năm 2011 lên đến 2,26 triệu tấn năm 2013, tương đương 326,3 triệu đô la (năm 2011) và 538,65 triệu đô la (năm 2013) (AGROINFO, 2014). Lượng ngô nhập khẩu chủ yếu cho chế biến thức ăn chăn nuôi chiếm 90% (Trieu, 2014). Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, nhu cầu ngô cho chăn nuôi rất cao, mỗi năm khoảng 6,4 - 7 triệu tấn.

Trước việc nhập siêu một lượng lớn ngô hàng năm, chủ trương của ngành nông nghiệp Việt Nam là tăng cường sản xuất trong nước để giảm lượng ngô nhập khẩu.

Dự kiến tăng diện tích trồng ngô lên 1,4 - 1,5 triệu ha trong những năm tới (AGROINFO, 2014). Tuy nhiên, để trả lời câu hỏi: “Nên nhập khẩu ngô hay tự sản xuất ngô nội địa để giảm nhập khẩu?”, hàng loạt vấn đề cần phải xem xét một cách toàn diện. Trong phạm vi nghiên cứu này, khía cạnh hiệu quả sản xuất của ngô lai (ngô tẻ thường dùng nuôi heo) ở một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong các vụ Đông Xuân 2013 - 2014 (ĐX 2013 - 2014), Xuân Hè 2014 (XH 2014) và Hè Thu 2014 (HT 2014) sẽ được phân tích nhằm trả lời các câu hỏi sau: (a) Hiện trạng và hiệu quả sản xuất ngô trên những vùng

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam

đất lúa ở các tỉnh ĐBSCL như thế nào?, (b) Về khía cạnh kinh tế, muốn sản xuất ngô ở ĐBSCL trên những vùng đất canh tác lúa cần phải có những điều kiện gì?.

Báo cáo này là một phần của đề tài: “Nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật trồng ngô trên đất lúa chuyển đổi tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long”.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp nghiên cứu được áp dụng: (a) Đánh giá nông thôn có sự tham gia (Participatory Rural Appraisal) (FAO, 1999), (b) Thảo luận nhóm chuyên gia (Key Informant Pannel), (c) Thu thập thông tin thứ cấp (Desk research), (d) Phân tích hiệu quả kinh tế.

Chọn ngẫu nhiên và phỏng vấn 360 hộ nông dân đại diện có chuyển đổi đất lúa sang trồng ngô tẻ lai ở ĐBSCL. Trong đó có 138 hộ ở tỉnh Long An (Huyện Đức Hòa chọn 2 xã Hòa Khánh Đông và Mỹ Hạnh Nam); 123 hộ ở Hậu Giang (Huyện Châu Thành A chọn 3 xã Tân Phú Thạnh, Thạnh Xuân, Nhơn Nghĩa A và Phụng Hiệp chọn 5 xã Phương Bình, Hòa Mỹ, Thạnh Hòa, Bình Thành, Tân Bình) và 99 hộ ở Đồng Tháp (Huyện Thanh Bình chọn 2 xã Tân Hòa và An Phong). Phỏng vấn nông dân theo bảng phiếu câu hỏi soạn sẵn, gồm có các chỉ tiêu chính sau đây: (a) Thông tin tổng quát của nông hộ (đất đai, nguồn thu

nhập, nhu cầu vốn, trang thiết bị và máy móc nông nghiệp, sử dụng lao động, cơ cấu mùa vụ, thủy lợi); (b) Dữ liệu về chi phí sản xuất, năng suất và hạch toán kinh tế trong sản xuất ngô lai trong 3 vụ Đông Xuân 2013 - 2014, Xuân Hè 2014, Hè Thu 2014 và Thu Đông 2014.

Thu thập số liệu thứ cấp từ: AGROINFOR, USDA, FAO, GSO, báo cáo của các tỉnh.

Số liệu về chi phí sản xuất được tính toán theo phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế, gồm các chỉ tiêu chủ yếu như: Tổng chi, cơ cấu chi phí, tổng thu, lợi nhuận, năng suất, giá thành, giá bán, hiệu quả đầu tư vốn, điểm hòa vốn (*Break - even point*).

- Công thức tính toán:

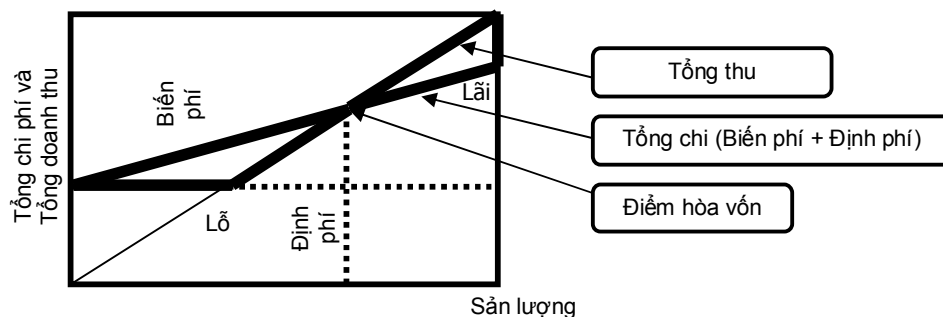
Tổng chi (đồng/ha/vụ) = Biến phí (giống, thuốc BVTV, phân bón, năng lượng, lao động, máy móc) + Định phí (khấu hao, lãi vay). Chi phí lao động gồm cả công gia đình...

Tổng thu (đồng/ha/vụ) = Sản lượng (kg/ha/vụ) × Giá bán (đồng/kg) + Thu từ sản phẩm phụ.

Lợi nhuận (đồng/ha/vụ) = Tổng chi (đồng/ha/vụ) - Tổng thu (đồng/ha/vụ).

Giá thành (đồng/kg) = Tổng chi (đồng/ha/vụ)/Năng suất (kg/ha/vụ).

Phân tích Điểm hòa vốn (Hình 1).



Hình 1. Phân tích điểm hòa vốn (*Break - even point analysis*)

Nguồn: S.P.Dhondyal (1990). Farm Management.

Sử dụng phần mềm SPSS 16.0 và Excel để phân tích. Số liệu được phân tích theo phương pháp thống kê mô tả (Descriptive Statistics) và thống kê so sánh (Comparative Statistics) gồm trung bình (Mean), tối đa, tối thiểu, độ lệch chuẩn.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Hiện trạng sản xuất ngô lai ở một số tỉnh thuộc ĐBSCL

Trong những năm gần đây, các tỉnh ĐBSCL chuyển dịch một phần đất trồng lúa kém hiệu quả sang những cây trồng khác, trong đó có ngô (ngô lai, ngô nếp). Đến năm 2013, trong tổng diện tích ngô ở Long An (2 vụ/năm) là 3.922 ha có 1.500 ha ngô được trồng trên đất lúa chuyển đổi và 2.422 ha ngô canh tác theo truyền thống trên đất

màu. Trong những năm gần đây, Long An đã có nhiều chính sách tác động nhằm tăng diện tích ngô lai, nhưng diện tích ngô lai có xu hướng giảm từ 2012 đến 2014 (Niên giám thống kê tỉnh Long An, 2014).

Ở Đồng Tháp, diện tích ngô lai là 4.157 ha. Trong khi đó, diện tích lúa là 500 ngàn ha (Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp, 2014). Vụ ngô chính là XH, luân canh trong cơ cấu 2 lúa - ngô hoặc lúa - ngô - cây khác (mè, ớt, rau, đậu các loại). Diện tích ngô tẻ lai thu hẹp dần do chi phí sản xuất cao và thiếu điều kiện hạ tầng để bảo quản và cơ giới hóa. Ở tỉnh Hậu Giang, hiện có 210 ha đất gieo cấy lúa 3 vụ/năm, và chỉ có 2.182 ha đất trồng ngô (Niên giám thống kê tỉnh Hậu Giang, 2014).

Bảng 1. Tình hình chuyển đổi từ đất lúa sang ngô lai phân theo vùng và theo mùa vụ

Vụ ngô	Long An		Đồng Tháp		Hậu Giang		Trung bình 3 tỉnh
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
Đông Xuân (gieo cuối T11 - đầu T12)	46	74,2	40	54,8	5	7,2	44,6
Xuân Hè (gieo cuối T2 - đầu T3)	7	11,3	7	9,6	34	49,3	23,5
Hè Thu (gieo đầu T4 - đầu T5)	6	9,7	25	34,2	30	43,5	29,9
Thu Đông (gieo đầu T7 - giữa T8)	3	4,8	1	1,4	0	0,0	2,0
Tổng cộng	62	100,0	73	100,0	69	100,0	100,0

Vụ ngô chuyển đổi từ lúa phổ biến nhất là ĐX (44,6% hộ). Trong khi đó, vụ HT (29,9% hộ), XH (23,5% hộ) và TĐ (2% hộ). Có 31% hộ có kinh nghiệm trồng ngô hơn 10 năm (chủ yếu ở Long An), 50,3% hộ chuyển từ lúa sang ngô lai từ 3 - 5 năm (Bảng 1 và 2).

Điều kiện đất đai ở ĐBSCL tại những vùng đất không nhiễm mặn, phèn nặng, phù hợp với cây ngô lai. Nhưng chuyển đổi từ

lúa sang cây ngô lai đòi hỏi đất phải được lên líp vào vụ mưa (93,5% nông dân trồng ngô trên líp), mực nước và nguồn nước tưới (9% sử dụng giếng đào, 23% sử dụng nước kênh hoặc sông rạch), nguồn vốn, lao động, cơ giới hóa, giá cả và điều kiện hạ tầng nông thôn phụ trợ sau thu hoạch (nhà kho, máy sấy, chế biến). Nhìn chung, các yếu tố trên chưa đáp ứng đồng bộ cho canh tác ngô lai để tăng diện tích như quy hoạch đã định.

Bảng 2. Kinh nghiệm trồng ngô lai của hộ nông dân phân theo vùng

Kinh nghiệm trồng ngô lai	Long An		Đồng Tháp		Hậu Giang		Trung bình 3 tỉnh
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
Trước năm 1994	5	7,8	5	8,6	0	0,0	6,2
Từ năm 1994 - 2004	25	39,1	14	24,1	1	2,6	24,8
Từ năm 2004 - 2009	19	29,7	10	17,2	1	2,6	18,6
Từ năm 2010 - 2014	15	23,4	29	50,0	37	94,9	50,3
Tổng cộng	64	100,0	58	100,0	39	100,0	100,0

Thị trường tiêu thụ hiện tại rất khó tiếp cận. Giá mua ngô lai ở ĐBSCL rất biến động. Năm 2012, giá mua ngô từ hộ nông dân giảm từ 6.500 đồng/kg ngô khô xuống còn 5.200 - 5.700 đồng/kg. Đến giữa cuối năm 2014 giá ngô chỉ còn 4.500 - 4.700 đồng/kg. 90% nông

dân trồng ngô lai cho rằng yếu tố giá có vai trò quyết định và ảnh hưởng đến kế hoạch trồng ngô, mở rộng diện tích ngô lai. Giá ngô thương phẩm giảm, nông dân sẽ chuyển từ ngô lai sang cây trồng khác hoặc tiếp tục trồng lúa (Bảng 5).

Bảng 3. Tình trạng cơ giới hóa cho sản xuất lúa và ngô lai

Số lượng thiết bị và máy móc	Số máy sở hữu trong 100 hộ
Máy cày	0,5
Máy xới	2,4
Bình/máy phun thuốc	65,9
Máy bơm nước	82,2
Máy gặt đập lúa liên hợp	1,4
Máy gieo hạt, máy thu hoạch ngô, tách hạt ngô	0
Xe chuyên dụng các loại	9,1
Ghe xuồng các loại	14,4

Các công đoạn từ gieo trồng, chăm sóc (bón phân, phun xịt thuốc, tưới tiêu), thu hoạch (bẻ ngô, bóc vỏ, tách hạt), sau thu hoạch (vận chuyển, phơi) đều thực hiện bởi lao động thủ công là chủ yếu. Sự hỗ trợ của máy móc không đáng kể, chủ yếu khâu làm đất (dưới 1% hộ có máy cày, 2% hộ có máy xới) và không hộ nào có máy tẽ hạt ngô (Bảng 3). Số lượng lao động cho canh tác ngô lai cao hơn lúa từ 30 - 50%, từ 120 đến 170 ngày công/ha tùy từng vụ và từng vùng. Đây là một bài toán lớn đối với nông

dân khi chuyển từ trồng lúa sang ngô lai với quy mô diện tích tăng.

Máy gieo hạt, máy thu hoạch ngô chỉ dùng ở giai đoạn trình diễn và thử nghiệm, giá thành cao, chưa hoàn thiện và phù hợp với điều kiện đồng ruộng ĐBSCL nên chưa được nông dân chấp nhận và áp dụng rộng rãi. Hơn nữa, diện tích ngô lai ở ĐBSCL còn manh mún (bình quân dưới 0,5 ha/hộ), sản xuất phân tán chưa thành vùng chuyên canh ngô, do đó việc áp dụng cơ giới hóa vào thời điểm này cần được hỗ trợ đầu tư từ các nguồn Nhà nước hoặc công ty.

Bảng 4. Diện tích đất lúa chuyển sang trồng ngô lai phân theo vùng và theo mùa vụ

Tỉnh	Diện tích ngô TĐ (ha/hộ)	Diện tích ngô ĐX (ha/hộ)	Diện tích ngô XH (ha/hộ)	Diện tích ngô HT (ha/hộ)
Long An (đất xám)	0,53	0,75	0,43	0,74
Đồng Tháp (đất phù sa)	0,49	0,47	0,43	0,50
Hậu Giang (đất ngập vụ Thu Đông)	-	0,35	0,48	0,50
Trung bình	0,51	0,62	0,46	0,52

Mức đầu tư vốn (tiền mặt) cho ngô lai ở cơ sở để các tổ chức tín dụng xác định hạn mức dưới 20 triệu (khoảng 66% hộ) và 35% mức cho vay, hợp lý nhất là từ 15 - 20 triệu/ha/vụ ngô. hộ cần vay vốn cho sản xuất ngô lai. Đây là

Bảng 5. Phân tích SWOT khi chuyển đổi lúa sang ngô lai ở ĐBSCL.

Điểm mạnh (S): - Điều kiện sinh thái hầu hết nhiều vùng phù hợp. - Chính sách khuyến khích của nhà nước. - Quỹ đất nông nghiệp cho ngô lai khả thi (chuyển từ đất lúa kém hiệu quả). - Nông dân sẵn sàng chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả và tiếp cận các kỹ thuật tiên tiến.	Điểm yếu (W): - Nông dân chưa có kinh nghiệm. - Hệ thống hạ tầng, logistic yếu kém. - Mức độ cơ giới hóa rất thấp. - Sản xuất manh mún, quy mô nhỏ. - Thiếu liên kết ngang và liên kết dọc. - Hệ thống thu mua, tiêu thụ qua nhiều tầng trung gian. - Nông dân hoàn toàn phụ thuộc giống ngô lai các công ty. - Chưa có chính sách vĩ mô cho ngành hàng ngô (từ quy hoạch vùng sản xuất đến thị trường tiêu thụ).
Cơ hội (O): - Năng suất ngô cao, có thể đạt 10 - 12 tấn/ha. - Hiệu quả từ canh tác lúa giảm ở một số vùng và trong một vài mùa vụ (Hè Thu, Đông Xuân). - Nhu cầu ngô cho chăn nuôi tăng (6 - 7 triệu tấn/năm; nhập khẩu 2 - 3 triệu tấn/năm). - Tiếp cận nguồn giống và công nghệ của thế giới.	Thách thức (T): - Chi phí sản xuất cao, trên 4.500 - 5.000 đồng/kg ngô. - Giá ngô thị trường thế giới giảm dưới 5.000 đồng/kg. - Sâu bệnh gia tăng. - Lợi nhuận giảm thấp so với canh tác lúa và cây trồng vật nuôi khác. - Giá nội địa kém lợi thế so sánh với các quốc gia (có trồng ngô) trong khu vực (Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan, Trung Quốc) khi gia nhập TPP. - Sự phục hồi của giá gạo thế giới.

Nguồn: Tổng hợp từ thảo luận nhóm KIP và thông tin thứ cấp, 2014.

Liên kết sản xuất - tiêu thụ ngô rất yếu (21% hộ ký kết hợp đồng với doanh nghiệp) do nông dân sản xuất manh mún (0,46 - 0,62 ha/hộ/vụ) và tự phát (Bảng 4).

Chi phí giống ngô: Chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng chi phí (8,6%), bình quân 2,69 triệu đồng/ha. Cao nhất ở Đồng Tháp (3,3 triệu đồng/ha, 10,4% tổng chi). Ở Long An

và Hậu Giang biến động từ 1,85 - 2,54 triệu đồng/ha (chiếm từ 5,5 - 9,2%). Vụ XH 2014 và HT 2014 chiếm 8,8 - 9,95%/tổng chi. Nông dân hoàn toàn phụ thuộc nguồn giống ngô lai của các công ty giống của nước ngoài (Hình 2 và 3).

Chi phí cơ giới hóa: Khá thấp, bình quân là 1,2 triệu đồng/ha, biến động từ 341.000 - 412.000 đồng/ha ở Đồng Tháp và Hậu Giang. Cao nhất ở vụ ĐX (1,94

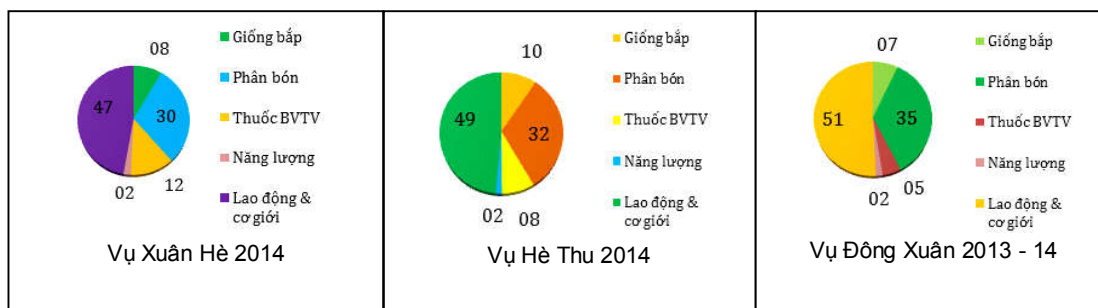
triệu/ha) và thấp nhất là vụ XH (620.000 đồng/ha). Tỷ lệ chi phí cơ giới hóa thấp (từ 5,0 - 8,7%) ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL. Cao nhất trong vụ ĐX (8,1%), thấp nhất vụ HT (6,7%) (Bảng 6).

2. Hiệu quả sản xuất ngô lai

2.1. Phân tích cơ cấu chi phí sản xuất



Hình 2. Cơ cấu chi phí sản xuất ngô ở một số tỉnh ĐBSCL, năm 2014



Hình 3. Cơ cấu chi phí sản xuất ngô phân theo vụ, năm 2014

Chi phí lao động: Nhu cầu lao động cho sản xuất ngô rất cao. Do hạn chế của cơ giới hóa nên các công đoạn phải sử dụng lao động thủ công, chiếm 38,2% tổng chi, biến động từ 34,4 - 42,4% theo vùng (Hình 2). Chi phí lao động, bao gồm cả công gia đình, cho các công đoạn làm đất, rạch hàng, cuốc hốc, gieo hạt, làm cỏ và vun gốc, phun

thuốc, bón phân, tưới tiêu, bẻ ngô, tách vỏ bi, vận chuyển và phơi là 12,7 triệu đồng/ha. Giá thuê lao động bình quân từ 120 - 250 ngàn đồng/ngày công. Cao nhất ở vụ ĐX (13,7 triệu/ha), thấp nhất ở vụ HT (11,7 triệu/ha). Ở Long An là cao nhất (15,1 triệu/ha), từ 11,4 - 11,7 triệu/ha ở Đồng Tháp và Hậu Giang (Bảng 6).

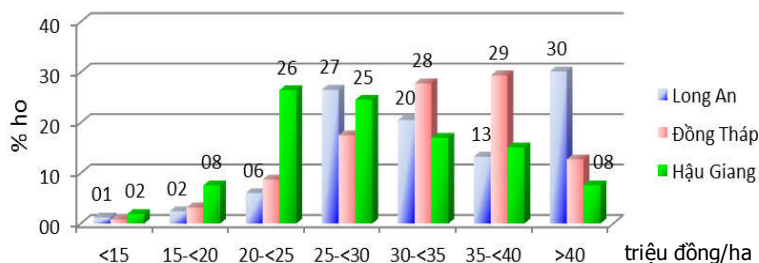
Bảng 6. Chi phí lao động và cơ giới hóa phân theo vùng và mùa vụ

Tỉnh/mùa vụ	Chi phí lao động (đ/ha)	Chi phí thuê máy (đ/ha)
<i>Phân theo tỉnh</i>		
Long An	15.133.158	2.989.208
Đồng Tháp	11.438.912	412.753
Hậu Giang	11.665.699	341.183
Trung bình	12.655.104	1.214.480
<i>Phân theo vụ</i>		
Xuân Hè	12.033.416	619.462
Hè Thu	11.692.649	662.845
Đông Xuân	13.692.764	1.944.135
Trung bình	12.655.104	1.214.480

Chi phí phân bón: Bình quân là 11,0 triệu đồng/ha/vụ. Biến động theo điều kiện canh tác của từng vùng, thấp nhất ở Hậu Giang (8,2 triệu/ha), cao nhất ở Long An (12,2 triệu/ha). Chi phí phân bón chiếm 1/3 tổng chi (Hình 2). Ở Hậu Giang ở mức thấp nhất. Vụ ĐX 2013 - 14 chi phí 12,6 triệu/ha, vụ XH 2014 đầu tư thấp nhất trong 3 vụ (9,1 triệu/ha). Chi phí phân bón trong vụ ĐX chiếm tỷ lệ cao nhất (34%), cao hơn so với trung bình (32,5%) và so với các vụ XH (30,6%) và HT (31,5%). Lượng phân bón mỗi ha/vụ từ 349 - 467,5 kg/ha, bình quân 437,5 kg/ha/vụ. Ở Hậu Giang, sử dụng ít nhất (349 kg/ha). Tỷ lệ là 193 kg N - 141 kg P₂O₅ - 103 kg K₂O/ha. Chi phí phân bón cao chủ yếu do giá phân bón. Giá phân bón biến động theo vùng và theo mùa vụ. Bình quân phân Urea có giá 9.200 đồng/kg, phân KCl (Kali đỏ) giá 12.100 đồng/kg và DAP là 14.500 đồng/kg.

Chi phí thuốc bảo vệ thực vật: Bình quân 2,5 triệu đồng/ha/vụ, cao nhất ở Hậu Giang (4,8 triệu/ha) và thấp nhất ở Long An (1,2 triệu/ha). Vụ XH, chi phí rất cao (3,7 triệu đồng/ha), chi phí thấp nhất trong vụ ĐX (1,76 triệu/ha). Các loại sâu bệnh phổ biến: sâu đục thân, sâu đục trái, bệnh cháy lá và cỏ dại. Sâu bệnh trên ngô lai thấp hơn so với lúa. Tỷ lệ chi phí thuốc BVTV chiếm từ 4,9 - 16,1%/tổng chi theo từng vùng, bình quân là 10,4%. Tỷ lệ chi phí cao nhất ở vụ XH (13,4%) và thấp nhất ở vụ ĐX (7,3%) (Hình 3).

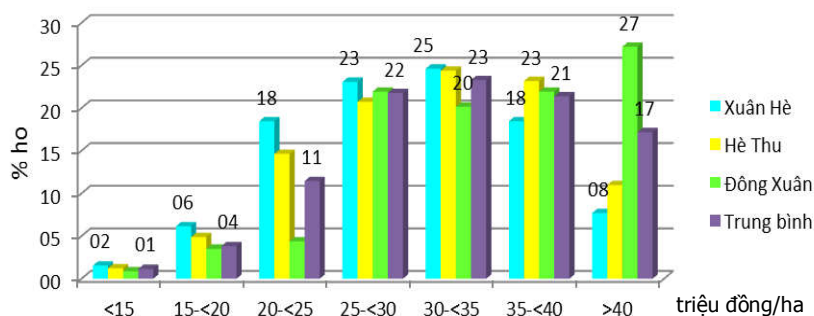
Chi phí năng lượng: Năng lượng (xăng dầu và điện năng) chủ yếu sử dụng cho tưới tiêu, bình quân 595.612 đồng/ha/vụ. Cao nhất ở Hậu Giang (880.000 đồng/ha), thấp nhất ở Đồng Tháp (374.000 đồng/ha). Vụ XH và ĐX, chi phí từ 634.000 - 645.000 đồng/ha, thấp nhất là vụ HT (494.000 đồng/ha). Tỷ lệ chi phí năng lượng từ 2,5 - 4,5%/tổng chi, bình quân 3,2% theo từng vùng (Hình 2).



Hình 4. Biến động tổng chi phí sản xuất ngô phân theo vùng

Phân tích các hộ trồng ngô theo mức tổng chi phí cho thấy 90,4% hộ trồng ngô ở Long An (đất xám) có tổng chi trên 25 triệu đồng/ha. Trong đó, 43,3% hộ có tổng chi phí trên 35 triệu/ha. Ở Đồng Tháp (đất phù sa) mức tổng chi tập trung từ 25 - 40 triệu/ha (74,6% hộ). Có 67,9% hộ ở Hậu Giang (đất thấp) có tổng chi phổ biến ở mức từ 20 - 35 triệu/ha (Hình 4).

Trong vụ Đông Xuân có 91,2% hộ có tổng chi trên 20 triệu/ha. Vụ Xuân Hè, có 66,2% hộ có tổng chi ở mức từ 20 - 35 triệu/ha. Trong khi đó, vụ Hè Thu, có 82,9% hộ có mức tổng chi tập trung trong khoảng từ 20 - 40 triệu/ha. Bình quân có 77,9% hộ có tổng chi phổ biến từ 20 - 40 triệu/ha ở 3 tỉnh (Hình 5).



Hình 5. Biến động tổng chi phí sản xuất ngô phân theo mùa vụ

3. Phân tích giá thành và lợi nhuận

Giá thành bình quân qua 3 tỉnh là 4.300 đồng/kg ngô thành phẩm nhưng biến động rất lớn theo tỉnh. Điểm hòa vốn bình quân 3 tỉnh là 4.300 đồng/kg tương ứng với năng suất ngô khô bình quân là 8.288 kg/ha và chi phí sản xuất là 33,1 triệu đồng/ha. Với tổng chi phí sản xuất dưới 33 triệu đồng/ha, giá thành thấp hơn mức 4.300 đồng/kg ngô, nông dân thu được lợi nhuận với giá bán trên 4.300 đồng/kg. Tăng năng suất ngô trên 8,29 tấn/ha giá thành sẽ giảm và là điều khả thi ở các tỉnh ĐBSCL. Sự biến động lớn có thể thấy ở Long An (đất xám) điểm hòa vốn là 5.400 đồng/kg, tương ứng với tổng chi là 35,7 triệu đồng và năng suất là 6,89 tấn/ha. Ngược lại, ở Đồng Tháp (đất phù sa), điểm hòa vốn 3.470 đồng/kg, tổng chi 33,2 triệu/ha (bảng 7).

Ở Long An, giá thành bình quân mỗi kg ngô lai thành phẩm khá cao (5.400 đồng/kg),

giá thành thấp nhất là ở Đồng Tháp (3.470 đồng/kg). Vụ ĐX 2013 - 2014 có giá thành cao nhất (4.480 đồng/kg) trong 3 vụ, thấp nhất trong vụ HT 2014 (4.050 đồng/kg).

So sánh giá thành và giá bán ngô cho thấy: Bình quân nông dân thu được lợi nhuận 390 đồng/kg. Ở Đồng Tháp, mức lợi nhuận là 1.090 đồng/kg (do giá thành thấp). Do chi phí sản xuất cao khá cao ở một số hộ tại Long An, nông dân lỗ 446 đồng/kg ngô. Ở Đồng Tháp nông dân lỗ 152 đồng/kg mặc dù giá bán ngô bình quân ở tỉnh này cao hơn giá bán trung bình. Điều này cho thấy yếu tố giá thành khá quan trọng, quyết định đến lợi nhuận trong sản xuất ngô. Vụ HT 2014, nông dân thu được lợi nhuận 520 đồng/kg, và 110 đồng/kg trong vụ XH 2014. Vụ ĐX 2013 - 2014 lợi nhuận là 445 đồng/kg ngô do giá thành thấp (4.480 đồng/kg) và giá bán là 4.920 đồng/kg.

Giá bán ngô ở Long An chênh lệch cao hơn Đồng Tháp và Hậu Giang từ 690 - 1.145 đồng/kg trong cùng một vụ vì ngô nguyên liệu được thu mua trực tiếp bởi các công ty và vận chuyển đến các nhà máy thức ăn gia súc trên thị trường thành phố Hồ Chí Minh hoặc Bình Dương. Hầu hết nông dân bán ngô cho thương lái, tỷ lệ nông dân ký kết hợp đồng với công ty chế biến thức ăn gia súc rất thấp (dưới 5%). Tương tự như sản xuất lúa, ngô thành phẩm được tiêu thụ ngay sau thu hoạch dưới dạng ngô khô (âm độ dưới 14%) hoặc ngô còn tươi (âm độ trên 20%) do nông dân không có nơi dự trữ và cần tiền mặt để thanh toán các khoản nợ mua vật tư nông nghiệp.

Triển vọng thay thế cây lúa bởi cây ngô lai trong vụ HT nếu giá bán ngô cao hơn 4.570 đồng/kg và giá thành là 4.050 đồng/kg.

Sản xuất ngô lai ở Hậu Giang có nguy cơ thua lỗ rất cao, bình quân mỗi ha lỗ 1,97 triệu đồng. Ở Long An, lợi nhuận rất thấp, ở mức hòa vốn. Ở Đồng Tháp, lợi nhuận bình quân là 10,9 triệu đồng/ha. Tính trung bình cho 3 tỉnh, lợi nhuận trung bình 4,9 triệu/ha/vụ.

Trong 100 hộ trồng ngô lai ở 3 tỉnh có 40 hộ thua lỗ (khi đầu tư chi phí cao) và 60 hộ có lời (khi năng suất ngô trên 10 tấn/ha); ở Đồng Tháp có 85,7% hộ trồng ngô lai có lời và 14,3% lỗ; ở Hậu Giang có 67% hộ thua lỗ và ở Long An là 48%. Ở Đồng Tháp trồng ngô có tiềm năng mang lại lợi nhuận và cây ngô lai có thể thay thế cây lúa khi kiểm soát được chi phí sản xuất thấp và giá bán ngô thành phẩm ở mức cao hơn 4.500 đồng/kg.

Trong vụ ĐX 2013 - 2014 tỷ lệ hộ trồng ngô lai có lời chiếm 72% (khi năng suất đạt trên 10 tấn/ha), vụ HT 2014 là 63,4% và XH 2014 là 51%. Do đó cần xem xét cẩn trọng khi tăng vụ ngô XH và HT, kiểm soát chi phí sản xuất, đồng thời giá bán phải ở mức trên 4.400 đồng/kg.

Phân tích tỷ suất chi phí - lợi nhuận của những hộ sản xuất ngô lai có lời cho thấy rằng bình quân tỷ suất là 44,8% (khi bỏ ra đầu tư 100 đồng cho sản xuất ngô lai thì thu được lợi nhuận xấp xỉ 45 đồng). Mức tỷ suất lợi nhuận cao nhất là 349,3% và thấp nhất là 0,3%. Vụ ngô ĐX 2013 - 2014 có tỷ suất cao nhất (45,9%), 42% vụ XH 2014 và 44,7% vụ HT2014.

Bảng 7. Hiệu quả sản xuất ngô lai theo vùng và mùa vụ

Tỉnh/mùa vụ	Giá thành bình quân (đ/kg)*	Tổng chi (đ/ha)	Tổng thu (đ/ha)	Lợi nhuận (đ/ha)
<i>Phân theo tỉnh</i>				
Long An	5.405	35.718.443	35.788.374	69.931
Đồng Tháp	3.473	33.208.093	44.186.206	10.978.114
Hậu Giang	4.554	29.016.082	27.048.588	- 1.967.494
Trung bình	4.304	33.155.354	38.059.054	4.903.699
<i>Phân theo vụ</i>				
Xuân Hè	4.314	30.309.116	32.977.202	2.668.087
Hè Thu	4.051	31.955.542	37.471.561	5.516.019
Đông Xuân	4.478	35.619.616	41.350.313	5.730.697
Trung bình	4.304	33.155.354	38.059.054	4.903.699

Một số hộ sản xuất ngô nếp dùng để bán ngô tươi, lợi nhuận thu được rất lớn.

Nhưng ngô nếp giống như mặt hàng rau quả, phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu của thị

trường, khó dự đoán được giá bán sẽ biến động thế nào khi cung vượt cầu.

4. So sánh hiệu quả sản xuất ngô lai và lúa ở ĐBSCL

So sánh các yếu tố cấu thành chi phí sản xuất lúa và ngô lai cho thấy:

Chi phí trung bình cho giống ngô, phân bón, thuốc BVTV, năng lượng và thuê lao động cho sản xuất ngô lai cao hơn lúa theo từng vụ và theo địa bàn.

Tuy nhiên, chi phí thuê máy móc cho sản xuất ngô lai mới đạt 25% so với chi phí cho sản xuất lúa, chứng tỏ mức độ cơ giới hóa còn rất thấp trong canh tác ngô lai và thấp so với canh tác lúa.

So sánh chi phí sản xuất lúa và ngô lai trong 2 vụ Hè Thu và Đông Xuân cho thấy:

Chi phí phân bón cho ngô cao hơn cho lúa 225%, chi phí thuốc BVTV cũng cao hơn, nhất là chênh lệch chi phí thuê lao động cao gấp 6 lần.

Chính vì vậy, tổng chi trung bình cho canh tác ngô lai cao hơn lúa khoảng 122%. Vụ HT cao hơn 112%, vụ ĐX cao hơn 134%. Kết quả là, lợi nhuận trung bình của lúa cao hơn ngô lai 153% (gấp 2,53 lần) (Bảng 8).

Nhìn chung sản xuất ngô lai trong vụ Hè Thu và Đông Xuân ở Long An và Hậu Giang đều mang lại lợi nhuận thấp hơn lúa. Trong khi đó nhiều hộ vẫn có lời, do năng suất cao và chi phí giá thành thấp.

Ở Long An, hiệu quả ngô lai vụ ĐX thấp hoặc lợi nhuận âm. Trong khi đó, canh tác lúa mang lại lợi nhuận trung bình 9 triệu đồng/ha trong vụ ĐX. Ở Hậu Giang, vụ ngô HT có hiệu quả thấp hoặc lỗ, trong khi đó, lúa HT mang lại lợi nhuận trung bình 11 triệu đồng/ha/vụ.

Tóm lại: Canh tác ngô lai ở hai tỉnh Long An và Hậu Giang có hiệu quả thấp hơn lúa trong 2 vụ chính là Đông Xuân và Hè Thu. Nguyên nhân là do chi phí sản xuất ngô lai cao hơn lúa, chủ yếu chi phí giống, phân bón, thuốc BVTV và thuê lao động khá cao. Mức độ cơ giới hóa trong canh tác ngô lai còn rất thấp so với lúa. Do đó, hộ nông dân ở Long An, Hậu Giang nói riêng và ở ĐBSCL nói chung có xu hướng canh tác ngô lai trong vụ Xuân Hè và vụ Thu Đông, hoặc ở những vùng đất lúa có điều kiện thủy lợi và địa hình ít thuận lợi cho cây lúa (như đất gò cao, thiếu nước trong mùa khô).

Để có thể thuyết phục nông dân trồng ngô lai chuyển đổi thay thế cây lúa, cần phải có gói quy trình kỹ thuật giảm chi phí giống, phân bón, thuốc BVTV, tăng cường áp dụng cơ giới hóa để giảm thiểu lao động thủ công. Đồng thời tăng năng suất và liên kết thị trường tiêu thụ ngô hạt với giá cao hơn hiện nay.

Bảng 8. So sánh chi phí sản xuất lúa - ngô lai cùng vụ ở 2 tỉnh Long An & Hậu Giang

Tỉnh	Vụ	Chi phí giống (1.000 đ/ha)		Chi phí phân bón (1.000 đ/ha)		Chi phí thuốc BVTV (1.000 đ/ha)		Chi phí năng lượng (1.000 đ/ha)		Chi phí lao động (1.000 đ/ha)		Chi phí thuê máy (1.000 đ/ha)	
		Lúa	Ngô	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô
Long An	Hè Thu	1.288	1.888	5.457	8.736	1.851	816	468	693	2.193	16.730	4.869	2.371
	Đông Xuân	1.342	1.839	5.394	13.248	1.872	1.112	559	833	2.110	11.432	4.798	2.486
	Thu Đông	1.524	-	5.230	-	1.785	-	537	-	2.287	-	4.744	-
	Trung bình*	1.371	1.857	5.374	12.222	1.843	1.213	519	749	2.185	15.133	4.812	2.989

Tỉnh	Vụ	Chi phí giống (1.000 đ/ha)		Chi phí phân bón (1.000 đ/ha)		Chi phí thuốc BVTV (1.000 đ/ha)		Chi phí năng lượng (1.000 đ/ha)		Chi phí lao động (1.000 đ/ha)		Chi phí thuê máy (1.000 đ/ha)	
Hậu Giang	Hè Thu	1.186	2.680	4.572	7.888	2.080	4.987	494	1.030	2.147	12.280	4.741	454
	Đông Xuân	1.219	3.250	4.491	5.975	2.114	2.100	561	0	2.089	7.500	5.051	0
	Thu Đông	1.193	-	4.541	-	2.018	-	322	-	2.079	-	4.020	-
	Trung bình*	1.200	2.547	4.535	8.155	2.073	4.797	503	880	2.106	11.665	4.629	341
Trung bình	Hè Thu	1.228	3.042	4.936	10.227	1.986	2.666	481	494	2.166	11.692	4.794	662
	Đông Xuân	1.272	2.525	4.880	12.611	2.010	1.760	560	645	2.099	13.692	4.942	1.944
	Thu Đông	1.315	-	4.796	-	1.935	-	491	-	2.157	-	4.256	-
	Trung bình*	1.269	2.690	4.875	11.001	1.980	2.528	512	595	2.139	12.655	4.701	1.214

Chú thích: * Tính từ số liệu trung bình của 3 vụ lúa Hè Thu, Đông Xuân & Thu Đông, và 3 vụ ngô Xuân Hè, Hè Thu & Đông Xuân.

Bảng 9. So sánh hiệu quả sản xuất lúa - ngô lai ở 2 tỉnh Long An & Hậu Giang

Tỉnh	Vụ	Tổng chi (1.000 đ/ha)		Tổng thu (1.000 đ/ha)		Lợi nhuận (1.000 đ/ha)	
		Lúa	Ngô	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô
Long An	Hè Thu	15.596	27.143	20.847	30.865	5.250	3.721
	Đông Xuân	15.718	37.218	24.758	36.729	9.039	- 489
	Thu Đông	14.974	-	25.575	-	10.600	-
	Trung bình*	15.481	35.718	23.587	35.788	8.107	69
Hậu Giang	Hè Thu	14.697	29.547	25.644	25.179	10.947	- 4.368
	Đông Xuân	14.898	18.825	39.697	43.200	24.799	24.375
	Thu Đông	13.813	-	23.553	-	9.741	-
	Trung bình*	14.497	29.016	29.887	27.048	15.391	1.967
Trung bình	Hè Thu	15.066	31.955	23.674	37.471	8.607	5.516
	Đông Xuân	15.251	35.619	33.258	41.350	18.006	5.730
	Thu Đông	14.242	-	24.300	-	10.058	-
	Trung bình*	14.896	33.155	27.328	38.059	12.432	4.903

Chú thích: * Tính từ số liệu trung bình của 3 vụ lúa Hè Thu, Đông Xuân & Thu Đông, và 3 vụ ngô Xuân Hè, Hè Thu & Đông Xuân.

VI. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Tại 3 tỉnh điều tra về sản xuất ngô trên đất lúa chuyển đổi thuộc ĐBSCL, điểm hòa vốn bình quân với giá thành là 4.300 đồng/kg, năng suất là 8,29 tấn/ha và tổng chi phí là 33,1 triệu đồng/ha. Nhưng điểm hòa vốn biến động lớn theo tỉnh, Ở Long An, là 5.400 đồng/kg, tổng chi là 35,7

triệu/ha, ở Đồng Tháp là 3.470 đồng/kg, tổng chi là 33,2 triệu/ha...

- Giá thành sản xuất ngô bình quân 3 tỉnh là 4.300 đồng/kg nhưng biến động lớn theo tỉnh. Ở tỉnh Long An, giá thành khá cao, ở mức 5.400 đồng/kg, cao hơn giá ngô nhập khẩu từ Mỹ năm 2013 (5.000 đồng/kg). Giá thành ngô ở Hậu Giang và Đồng Tháp thấp hơn (3.500 - 4.550 đồng/kg).

- Chi phí sản xuất ngô tại 3 tỉnh khá cao (từ 29 - 35,7 triệu đồng/ha) tác động đến giá thành, trong đó, cơ cấu chi phí phân bón chiếm 30 - 35,5%, thuốc bảo vệ thực vật từ 4,9 - 12,2%, lao động và máy móc là 47,2 - 50,7% (lao động chiếm 38,2%) trong tổng chi.

- So với canh tác lúa ở một số tỉnh ĐBSCL, ngô lai có chi phí sản xuất cao hơn trong vụ Hè Thu và Đông Xuân, chủ yếu do chi phí giống ngô, phân bón, thuốc BVTV và thuê lao động khá cao so với lúa. Trong khi đó, chi phí máy móc khá thấp, chứng tỏ mức độ cơ giới hóa còn thấp.

- Hiệu quả sản xuất ngô tẻ lai biến động theo địa bàn. Ở tỉnh Đồng Tháp, Long An và Hậu Giang, cây ngô lai mang lại hiệu quả cao nhất trong vụ Đông Xuân (không mưa, tưới tiêu chủ động) và Hè Thu (ít mưa ở cuối vụ), lợi nhuận bình quân là 4,9 triệu đồng/ha, cao hơn lợi nhuận mang lại từ trồng lúa. Trong vụ ĐX 2013 - 2014 tỷ lệ hộ trồng ngô lai có lời chiếm 72% (khi năng suất đạt trên 10 tấn/ha), vụ HT 2014 là 63,4% và XH 2014 là 51%. Tuy nhiên, ở một số vùng và mùa vụ, có 28 - 49% hộ trồng ngô thua lỗ do chi phí sản xuất cao, giá bán ngô thấp và năng suất ngô thấp.

2. Đề nghị

Muốn chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng ngô tại ĐBSCL cần:

- Nghiên cứu và quy hoạch các tiểu vùng sinh thái (vùng phù sa ngọt ven sông có kiểm soát lũ tốt) và mùa vụ (vụ Hè Thu và Đông Xuân) phù hợp với cây ngô lai nhằm tăng lợi thế so sánh với cây lúa và lợi thế cạnh tranh cho cây ngô lai ở vùng ĐBSCL. Thực thi đồng bộ các biện pháp “3 giảm” (giảm chi phí phân bón, thuốc BVTV, lao động thủ công), “2 tăng” (tăng giá bán và tăng năng suất).

- Nên áp dụng cơ giới hóa trong canh tác ngô lai nhằm giảm chi phí lao động trong các khâu gieo trồng, thu hoạch và chế biến sau thu hoạch.

- Nên tạo thuận lợi cho nông dân trồng ngô lai liên kết và hợp tác với nhau trong sản xuất - tiêu thụ ngô dưới hình thức “cánh đồng mẫu lớn”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AGROINFO (2014). *Thị trường thức ăn chăn nuôi năm 2012 và triển vọng 2013*. Báo cáo thường niên ngành hàng Việt Nam.
2. AGROINFO (2014). *Thức ăn chăn nuôi*. Báo cáo thường niên 2013 triển vọng 2014.
3. AGROINFO (2014). *Thị trường thức ăn chăn nuôi Quý 2 - 2015*. Báo cáo ngành hàng Việt Nam.
4. Cục Thống kê Hậu Giang (2014). *Niên giám thống kê tỉnh Hậu Giang 2013*.
5. Cục Thống kê Đồng Tháp (2014). *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp 2013*.
6. Cục Thống kê Long An (2014). *Niên giám thống kê tỉnh Long An 2013*.
7. FAO (1999). *Conducting a PRA Training and Modifying PRA Tools*. <http://www.fao.org/docrep/003/x5996e/x5996e06.htm>
8. Mai Xuan Trieu (2014). *Maize Production in Vietnam: Current status and future prospects*. Page 332.
9. Tổng Cục Thống kê (2014). *Niên giám thống kê 2013*.
10. Trang web Bộ Nông nghiệp Mỹ. <http://www.usda.gov>
11. Trang web Tổng cục Thống kê. <http://www.custom.gov.vn>

Ngày nhận bài: 15/12/2014

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Viêt

Ngày phản biện: 19/12/2014

Ngày duyệt đăng: 14/5/2015

THỊ TRƯỜNG VÀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA SẢN XUẤT NGÔ LAI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Hồ Cao Việt¹, Lê Văn Gia Nhỏ¹, Lê Quý Kha¹

ABSTRACT

Market and comparative advantage of hybrid maize cultivation in the Me Kong river Delta

In the Me Kong river Delta Vietnam, the domestic maize cultivation is of not only the opportunities but also the challenges in comparative advantages with imported maize which has low - trend price in recent years. In 2014, the volume of imported maize moved up to, at 3.87 million tons, at value of one million USD. The largest volume of maize imported from Brazil was 1.99 million tons in 2014, with very high competitive price at 5,355 VND per kg. The questions are posed as following: "How about comparative advantages of hybrid maize production in the MRD in comparison with imported maize (?)", and "Should producing maize in the MRD substitute or reduce imported maize (?)". The survey on 360 farmer households in provinces of Long An, Dong Thap and Hau Giang figured out that: (a) The unit price of maize in the 2013 - 14 crop was relative high at 4,300 VND /kg because total costs of production was high at 33.1 million VND per hectare, and the average yield was still low at 7.7 to 8.3 tons per hectare. (b) Cost of seed occupied 8.6% of total costs, at 2.7 million VND per hectare and cost of fertilizers was at 30 - 35.5%, around 11 million VND per hectare. (c) Cost of mechanization was at 5.0 - 8.7% and high intensive labor accounted for 38.2% of the total costs; around 12.7 million VND per hectare. These were the main factors that affected to unit price of maize. (d) About 27.5% of farmers produce maize at unit price higher than the price of imported maize from USA in 2013, about 5,000 VND per kg. Unit price in Winter Spring 2013 - 14 was 4,478 VND per kg, particularly it was high in Long An at 5,400 VND per kg. Meanwhile, maize cultivation is more comparative advantageous in Dong Thap and Hau Giang because the unit price is lower than in Long An, at 3,473 - 4,554 VND per kg. There are about 21% of maize farmers who have signed contracts with the animal - feed enterprises.

Key words: Hybrid maize, market, supply, demand, comparative advantage, unit price.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong vòng 4 năm gần đây, Việt Nam nhập siêu lượng ngô tăng liên tục từ 1,6 triệu tấn (năm 2011) lên đến 2,26 triệu tấn (năm 2013) và đến 15/11/2014 đã nhập 3,875 triệu tấn, kim ngạch nhập khẩu từ 326,3 triệu đô la (năm 2011) và 1.002,1 triệu đô la (năm 2014) (AGROINFO, 2014; Tổng cục Hải quan, 2014) để đáp ứng nhu cầu chế biến thức ăn chăn nuôi (6,4 - 7 triệu tấn/năm, chiếm 90%) (MARD, 2014) vì lượng cung ngô từ sản xuất nội địa không đáp ứng đủ (4,8 - 5,2 triệu tấn/năm).

Chiến lược của ngành nông nghiệp Việt Nam hướng đến năm 2020 là sản xuất ngô (ngô lai) trong nước để giảm dần và tiến đến thay thế lượng ngô nhập khẩu dựa vào việc tăng diện tích trồng ngô từ 1,1 triệu ha hiện nay lên 1,4 - 1,5 triệu ha trong những năm tới (AGROINFO, 2014) ở những vùng đất trồng lúa kém hiệu quả ở ĐBSCL.

Nghiên cứu này nhằm trả lời câu hỏi: "Có nên gia tăng sản xuất ngô trong nội địa và nhất là ở ĐBSCL để giảm lượng ngô nhập khẩu không?". Nhiều vấn đề cần phải

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.